

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2026/DS-ST
Ngày 30 tháng 6 năm 2026
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trâm
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bạch Long Hạc
Bà Võ Thị Bời

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 218/2026/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123A/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2026/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần S1)

Địa chỉ: B - B N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng M; Địa chỉ: D Thái Nguyên, phường T, tỉnh Khánh Hòa (Theo Văn bản ủy quyền số 2292.2026.QĐ.LEG ngày 01.6.2026). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Bùi Duy Q, sinh năm 1969

Nơi đăng ký thường trú: Số A phố T, phường H, TP .. Nơi cư trú cuối cùng: 01 T, phường B, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Hoàng M trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần S đã đổi tên thành Ngân hàng thương mại cổ phần S1 theo Quyết định số 36/QĐQLGS4 ngày 01/6/2026 của Ngân hàng N (sau đây gọi là S2).

Tháng 05/2024, ông Bùi Duy Q có ký Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ cá nhân để sử dụng dịch vụ mở thẻ tín dụng tại S2. Dựa trên văn bản này, S2 phát

hành thẻ tín dụng số thẻ 436438-5813 (thẻ tín dụng V) cho ông Q với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng; Lãi suất: 27%/năm. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: từ ngày 21/05/2024 đến 21/05/2029.

Trong quá trình sử dụng thẻ ông Q thường xuyên trễ hạn thanh toán, mặc dù nhân viên Ngân hàng liên tục gọi điện nhắc nhở thanh toán. Mặc dù S2 thường xuyên đôn đốc, yêu cầu ông Bùi Duy Q có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ này. Tuy nhiên, ông Bùi Duy Q vẫn không trả nợ cho S2 theo quy định, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân đã ký.

Tính đến ngày 29/6/2026, ông Q đã thanh toán cho S2 tổng số tiền 2.055.000 đồng.

Nhận thấy quyền lợi và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, S2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Duy Q phải thanh toán cho S2 số tiền còn nợ tính đến ngày 29/6/2026 là 93.415.445 đồng (trong đó: nợ gốc là 56.878.268 đồng, nợ lãi là 36.537.177 đồng) và các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 30/6/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân đã ký kết.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Bùi Duy Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa nên không có lời trình bày.

- Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền:

Căn cứ Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân của ông Bùi Duy Q; Căn cước công dân Bùi Duy Q do nguyên đơn S2 cung cấp và kết quả trả lời xác minh của Công an phường H, thành phố Hải Phòng ngày 15/01/2026 thể hiện: Bị đơn ông Bùi Duy Q đăng ký thường trú tại địa chỉ: Số A phố T, tổ dân phố số C, phường H, thành phố Hải Phòng; tuy nhiên, gia đình ông Q đã bán nhà và chuyển đến nơi khác sinh sống từ năm 2015 và đến nay vẫn chưa thực hiện thủ tục thay đổi nơi cư trú. Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường B, tỉnh Khánh Hòa thể hiện: Ông Q có vợ là bà Đặng Thị Kim T; vào năm 2021, ông Q thỉnh thoảng có đến nhà mẹ vợ (bà Bùi Thị T1) tại địa chỉ số A T, phường B, tỉnh Khánh Hòa cư trú trong thời gian ngắn, sau đó rời đi nơi khác. Như vậy, mặc dù

hiện tại không xác định được nơi cư trú của ông Q nhưng có căn cứ để xác định nơi cư trú cuối cùng của bị đơn là tại địa chỉ: Số A T, phường B, tỉnh Khánh Hòa.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ, chính xác địa chỉ của bị đơn. Mặt khác, tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng được giao kết tại tỉnh Khánh Hòa và các bên có thỏa thuận lựa chọn Tòa án nơi S2 có trụ sở/chỉ nhánh để giải quyết tranh chấp. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Việc bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự trong khi bị đơn vẫn đang thực hiện quyền, nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch, hợp đồng với nguyên đơn thì thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *“Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự”*. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của ông Bùi Duy Q, tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường B, tại trụ sở Tòa án và tiến hành thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại khoản 5 Điều 177; Điều 179; Điều 180 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến, không nộp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

[2.2] Ông Bùi Duy Q có ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân để sử dụng dịch vụ mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP S. Dựa trên văn bản này, S2 phát hành thẻ tín dụng số thẻ 436438-5813 (thẻ tín dụng V) cho ông Q với hạn mức 50.000.000 đồng; Lãi suất: 27%/năm; thời hạn cấp hạn mức tín dụng: từ ngày 21/05/2024 đến 21/05/2029. Hợp đồng tín dụng được lập giữa S2 với ông Bùi Duy Q trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng phù hợp quy định tại các điều 116, 117, 119 của Bộ luật Dân sự, các điều 90, 91, 118 của Luật các tổ chức tín dụng nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[2.3] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q đã nhiều lần trễ hạn thanh toán, mặc dù S2 đã tạo điều kiện cho ông Q trả nợ. Ngoài ra, việc ông Q chuyển đến nơi khác sinh sống nhưng không cung cấp địa chỉ mới cho S2 biết thể hiện việc bị đơn trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho S2. Vì vậy, ông Q là người vi phạm các điều khoản đã quy định tại Đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân đã ký.

Theo bảng sao kê giao dịch do S2 cung cấp, tính đến hết ngày 29/6/2026, ông Q còn nợ S2 tổng số tiền là 93.415.445 đồng - trong đó: nợ gốc là 56.878.268 đồng, nợ lãi là 36.537.177 đồng. Xét thấy việc tính lãi của S2 được thực hiện theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng, phù hợp với các quyết định điều chỉnh lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ và không trái quy định của pháp luật về hoạt động tín dụng nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của S2, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến hết ngày 29/6/2026 là 93.415.445 đồng và tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết, tính từ ngày 30/6/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa phát biểu tại phiên tòa, xét thấy phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. H lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 90, 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ các Điều 26, 35, 40, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (*nay là* Ngân hàng thương mại cổ phần S1) đối với bị đơn ông Bùi Duy Q.

1.1. Buộc ông Bùi Duy Q phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S1 số tiền nợ tính đến hết ngày 29/6/2026 là 93.415.445 đồng (*Chín mươi*

ba triệu bốn trăm mười lăm nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng) - trong đó: nợ gốc là 56.878.268 đồng, nợ lãi là 36.537.177 đồng.

1.2. Kể từ ngày 30/6/2026, ông Bùi Duy Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng (gồm: *Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân để sử dụng dịch vụ mở thẻ tín dụng tại S2 ngày 20/5/2024 kèm theo bản “Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng ghi nợ cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S có hiệu lực từ ngày 22/10/2022)* cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

1.3. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Bùi Duy Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.671.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng*).

H lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần S1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.299.000 đồng (*Ba triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0004272 ngày 09/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 - Khánh Hòa).

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Quy định chung: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 1 – Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Bảo Trâm